

Bản án số: 04/2024/DSST

Ngày 26/9/2024

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hà Giang và ông Lê Thanh Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 13/2023/TLST-DS ngày 29/12/2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-DS ngày 09/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-DS ngày 04/9/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng (V); địa chỉ số 89 phường 1, quận 2, Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông D là Chủ tịch Hội đồng quản trị V.

- Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Mạnh T sinh năm 1996; là chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ thị trấn 1, huyện H, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng ông Đinh Văn Q sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị T1 sinh năm 1976; địa chỉ xóm 8, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; đều có mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Vợ chồng anh Đinh Văn K sinh năm 1996 và chị Phạm Thị Nhật K1 sinh năm 1996; địa chỉ xóm 8, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; đều vắng mặt.

- Chị Đinh Thuỳ K2 sinh năm 2008; địa chỉ xóm 8, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2023; các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông T đại diện cho nguyên đơn trình bày: Về vay tài sản; vợ chồng ông Q bà T1 có vay vốn tại V - Chi nhánh Nam Định - Phòng giao dịch Ý Yên, tại Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2111034631195 ngày 05/11/2021 và khế ước nhận nợ; số tiền vay là 460.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, mục đích vay kinh doanh hàng thực phẩm, lãi suất vay và kỳ hạn điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 8,5%/năm; lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân, hết thời hạn cố định lãi suất

cho vay trong hạn được điều chỉnh; lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Tổng tiền gốc vay ông Q bà T1 đã nhận là 460.000.000 đồng; tiền gốc đã trả là 20.000 đồng; tổng số tiền gốc hiện nay còn nợ chưa trả là 459.980.000 đồng. Tổng tiền lãi phải trả (gồm cả lãi trong hạn và lãi quá hạn) tính đến ngày 26/9/2024 là 224.383.074 đồng; số tiền lãi đã trả là 31.442.918 đồng, số tiền lãi còn nợ chưa trả (gồm tiền lãi trong hạn và lãi chậm trả) là 192.940.156 đồng. V yêu cầu vợ chồng ông Q bà T1 phải trả cho V tổng số tiền vay và tiền lãi phát sinh nêu trên tính đến ngày 26/9/2024 là 652.920.156 đồng, vợ chồng ông Q bà T1 tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ giữa V với vợ chồng ông Q bà T1; cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho V.

Về thế chấp tài sản; Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 4631195 ngày 05/11/2021 giữa V - chi nhánh Nam Định - Phòng giao dịch Ý Yên với vợ chồng ông Q bà T1; nội dung vợ chồng ông Q bà T1 thế chấp tài sản của mình là “Thửa đất số 495, tờ bản đồ số 3 và tài sản gắn liền với đất” địa chỉ thửa đất tại xóm 8, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U719364 ngày 06/11/2002 do UBND huyện Y cấp mang tên ông Đinh Văn Q. Theo biên bản xem xét thẩm định tài sản của Tòa án, tài sản tại thửa đất số 495 gồm có “245,9 m² đất và tài sản gắn liền với đất gồm 01 nhà ở diện tích 52,7 m²; 01 nhà bếp diện tích 31,2 m²; 01 nhà tắm diện tích 35,8 m²; sân lát gạch đỏ diện tích 83 m²; 01 bể nước 4,4 m³”. Nếu vợ chồng ông Q bà T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trên, thì V có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự ra Quyết định và thi hành quyết định của Tòa án phân tài sản thế chấp trong Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với và biên bản xem xét thẩm định tài sản của Tòa án gồm là “245,9 m² đất và tài sản gắn liền với đất gồm 01 nhà ở diện tích 52,7 m²; 01 nhà bếp diện tích 31,2 m²; 01 nhà tắm diện tích 35,8 m²; sân lát gạch đỏ diện tích 83 m²; 01 bể nước 4,4 m³”.

Bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn là ông Q trình bày: Về vay tài sản; vợ chồng tôi có vay của V - chi nhánh Nam Định - Phòng giao dịch Ý Yên, với số tiền là 460.000.000 đồng; mục đích vay về sử dụng để làm ăn buôn bán; lãi suất vay và thời hạn vay là theo quy định của Ngân hàng, tôi không nhớ. Tổng số tiền gốc và tiền lãi vợ chồng tôi đã trả cho Ngân hàng như thế nào thì tôi không nhớ; số tiền gốc và tiền lãi vợ chồng tôi đã trả cho Ngân hàng như trình bày của đại diện của Ngân hàng là đúng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi phải trả tiền vay và tiền lãi vay tính đến ngày 26/9/2024 là 652.920.156 đồng, vợ chồng tôi đồng ý; nhưng thực tế vợ chồng tôi không có khả năng trả nợ.

Về tài sản thế chấp; vợ chồng tôi có thế chấp tài sản của mình là thửa đất số 495 tờ bản đồ số 03 xã K và toàn bộ tài sản gắn liền với đất; diện tích đất và tài sản gắn liền với đất như Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án; địa chỉ thửa đất tại xóm 8, xã K, huyện Y; vợ chồng tôi đồng ý giao toàn bộ tài sản này cho Ngân hàng để xử lý thu hồi nợ.

Bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn là bà T1 trình bày: Về vay tài sản; vợ chồng tôi có vay của V - chi nhánh

Nam Định - Phòng giao dịch Ý Yên, số tiền vay là 460.000.000 đồng; mục đích vay để làm ăn buôn bán; lãi suất vay và thời hạn vay là theo quy định của Ngân hàng, tôi không nhớ. Tổng số tiền gốc và tiền lãi vợ chồng tôi đã trả cho Ngân hàng như thế nào thì tôi không nhớ, số tiền gốc và tiền lãi vợ chồng tôi đã trả cho Ngân hàng như trình bày của đại diện của Ngân hàng là đúng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi phải trả tiền vay và tiền lãi tính đến ngày 26/9/2024 là 652.920.156 đồng, vợ chồng tôi đồng ý.

Về tài sản thế chấp; vợ chồng tôi có thế chấp tài sản của mình là thửa đất số 495 tờ bản đồ số 03 xã K và toàn bộ tài sản gắn liền với đất; diện tích đất và tài sản gắn liền với đất như Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Toà án; địa chỉ thửa đất tại xóm 8, xã K, huyện Y; vợ chồng tôi đồng ý giao toàn bộ tài sản này cho Ngân hàng để xử lý thu hồi nợ.

Đối với anh K, chị K1 và chị K2; Toà án đã giao Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đương sự, nhưng đều vắng mặt; nên không có lời khai của anh K, chị K1 và chị K2 trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến đối với vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; xác định đúng tư cách đương sự; đã tiến hành thông báo, xác minh, mở phiên họp. Những người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 317, khoản 1 và khoản 3 Điều 318, khoản 6 Điều 320, các khoản 5 và khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và K1 phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V:

- Buộc vợ chồng ông Q bà T1 phải trả cho V tổng số tiền vay và tiền lãi tính đến ngày 26/9/2024 là 652.920.156 đồng; vợ chồng ông Q bà T1 tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ giữa V với vợ chồng ông Q bà T1; cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho V.

- Nếu vợ chồng ông Q bà T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ trên, vợ chồng ông Q bà T1 có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp là “245,9 m² đất, số thửa 495, tờ bản đồ số 3 xã K và tài sản gắn liền với đất gồm 01 nhà ở diện tích 52,7 m²; 01 nhà bếp diện tích 31,2 m²; 01 nhà tạm diện tích 35,8 m²; sân lát gạch đỏ diện tích 83 m²; 01 bể nước 4,4 m³” giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U719364 ngày 06/11/2002 do UBND huyện Y cấp mang tên ông Đình Văn Q; để V xử lý khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ bảo đảm mà vợ chồng ông Q bà T1 không thực hiện. V có quyền yêu cầu vợ chồng ông Q bà T1 giao tài sản đó cho mình để xử lý khi vợ chồng ông Q bà T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Trường hợp vợ chồng ông Q bà T1 không thực hiện nghĩa vụ giao tài sản đã thế chấp, thì V có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự ra quyết định và thi

hành bản án phân tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Q; bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; V chịu chi phí tố tụng về việc xem xét, thẩm định tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: V khởi kiện tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng thế chấp tài sản đối với vợ chồng ông Q bà T1, việc khởi kiện của V được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là vợ chồng ông Q bà T1 cư trú tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa người liên quan là anh K, chị K1 và chị K2 vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp K1 lần thứ 2, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K, chị K1 và chị K2.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1. Về hợp đồng vay tài sản:

Theo đơn khởi kiện, Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2111034631195 ngày 05/11/2021 và khế ước nhận nợ; các giấy nhận nợ giữa V - chi nhánh Nam Định - Phòng giao dịch Ý Yên với vợ chồng ông Q bà T1 thể hiện và trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa thể hiện: Ngày 03/6/2020 vợ chồng ông Q bà T1 có vay của V - chi nhánh Nam Định - Phòng giao dịch Ý Yên số tiền là 460.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, mục đích vay kinh doanh hàng thực phẩm, lãi suất vay và kỳ hạn điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 8,5%/năm; lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân, hết thời hạn cố định lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh; lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Về trả tiền vay: Vợ chồng ông Q bà T1 đã trả cho V được 20.000 đồng tiền vay. Tổng số tiền gốc vay còn nợ chưa trả cho V là 459.980.000 đồng.

Về trả tiền lãi vay: Tổng tiền lãi phải trả (gồm cả lãi trong hạn và lãi quá hạn) đến ngày 26/9/2024 là 208.460.628 đồng; số tiền lãi đã trả là 31.442.918 đồng; tổng lãi còn phải trả tính đến ngày 26/9/2024 là 192.940.156 đồng.

Như vậy, tổng tiền gốc và tiền lãi chưa trả tính đến ngày 26/9/2024 là 652.920.156 đồng. Theo các giấy nhận nợ được ký giữa V - chi nhánh Nam Định - Phòng giao dịch Ý Yên với vợ chồng ông Q bà T1, thì vợ chồng ông Q bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền vay và tiền lãi theo thỏa thuận giữa các bên trong Hợp đồng cho vay hạn mức và các giấy nhận nợ.

Từ những phân tích nêu trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V, buộc vợ chồng ông Q bà T1 phải trả cho V gồm: Tiền gốc vay là 459.980.000 đồng và tiền lãi vay trên nợ gốc chưa trả tính đến ngày 26/9/2024 là 192.940.156 đồng.

2.2. Về tài sản bảo đảm:

Tại Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 4631195 ngày 05/11/2021 giữa V với vợ chồng ông Q bà T1; nội dung vợ chồng ông Q bà T1 thế chấp tài sản của mình là “Thửa đất số 495, tờ bản đồ số 3 và tài sản gắn liền với đất” địa chỉ thửa đất tại xóm 8, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U719364 ngày 06/11/2002 do UBND huyện Y cấp mang tên ông Đinh Văn Q. Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Tín Đức, nên việc thế chấp tài sản giữa vợ chồng ông Q bà T1 và V là hợp pháp.

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/4/2024 của Toà án nhân dân huyện Y thể hiện: Thửa đất số 495, tờ bản đồ số 3 có tổng diện tích là 245,9 m² và tài sản gắn liền với đất gồm “01 nhà ở diện tích 52,7 m²; 01 nhà bếp diện tích 31,2 m²; 01 nhà tạm diện tích 35,8 m²; sân lát gạch đỏ diện tích 83 m²; 01 bể nước 4,4 m³”.

Chấp nhận yêu cầu của V, buộc vợ chồng ông Q bà T1 có nghĩa vụ giao toàn bộ số tài sản thế chấp của mình là “Thửa đất số 495, tờ bản đồ số 3 có tổng diện tích là 245,9 m² và tài sản gắn liền với đất gồm 01 nhà ở diện tích 52,7 m²; 01 nhà bếp diện tích 31,2 m²; 01 nhà tạm diện tích 35,8 m²; sân lát gạch đỏ diện tích 83 m²; 01 bể nước 4,4 m³” cho V để xử lý khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ bảo đảm mà vợ chồng ông Q bà T1 không thực hiện. V có quyền yêu cầu vợ chồng ông Q bà T1 giao toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho V để xử lý khi vợ chồng ông Q bà T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Trường hợp vợ chồng ông Q bà T1 không thực hiện nghĩa vụ giao tài sản thế chấp, thì V có quyền đề nghị Chi cục thi hành án dân sự ra quyết định và thi hành bản án phần tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Nguyên đơn được Toà án chấp yêu cầu khởi kiện với tổng số tiền là 652.920.156 đồng; nên bị đơn phải chịu 30.116.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, riêng ông Q là con Liệt sỹ nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH16 miễn án phí dân sự sơ thẩm cho, bà T1 phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm là 15.058.000 đồng.

- V tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp, theo danh sách chi phí tố tụng với số tiền là 2.000.000 đồng.

- Hoàn lại cho V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 317, Điều 318, khoản 6 Điều 320, các khoản 5 và khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,

khoản 1 Điều 147, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và K1 phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc vợ chồng ông Đinh Văn Q và bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho Ngân hàng, số tiền như sau:

- Tiền gốc vay là: 459.980.000 đồng (bốn trăm năm mươi chín triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

- Tiền lãi vay là: 192.940.156 đồng (một trăm chín mươi hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn một trăm năm mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm vợ chồng ông Q bà T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2111034631195 ngày 05/11/2021 và khế ước nhận nợ giữa Ngân hàng với vợ chồng ông Q bà T1 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Nếu vợ chồng ông Q bà T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ trên, vợ chồng ông Q bà T1 có nghĩa vụ giao tài sản đã thế chấp là “245,9 m² đất, số thửa 495, tờ bản đồ số 3 xã K và tài sản gắn liền với đất gồm 01 nhà ở diện tích 52,7 m²; 01 nhà bếp diện tích 31,2 m²; 01 nhà tắm diện tích 35,8 m²; sân lát gạch đỏ diện tích 83 m²; 01 bể nước 4,4 m³” giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U719364 ngày 06/11/2002 do UBND huyện Y cấp mang tên ông Đinh Văn Q; để Ngân hàng xử lý khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ bảo đảm mà vợ chồng ông Q bà T1 không thực hiện. Ngân hàng có quyền yêu cầu vợ chồng ông Q bà T1 giao tài sản đó cho mình để xử lý khi vợ chồng ông Q bà T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Trường hợp vợ chồng ông Q bà T1 không thực hiện nghĩa vụ giao tài sản đã thế chấp, thì Ngân hàng có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự ra quyết định và thi hành bản án phần tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đinh Văn Q. Buộc bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 15.058.000 đồng (mười lăm triệu không trăm năm mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) chi phí tố tụng về việc xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp, được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng Ngân hàng đã nộp là 7.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng chi phí tố tụng ngày 02/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Y. Ngân hàng được hoàn lại số tiền chênh K1ch là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

- Hoàn lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.846.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001578 ngày 26/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan là anh K, chị K1 và chị K2 có

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực